

CULTURAL SOUNDS:  
**THE SPIRIT OF**  
VIETNAM



**FOLK MUSIC OF  
ETHNIC MINORITIES  
IN NORTHERN  
MOUNTAIN REGIONS OF  
VIETNAM**

# ÂM NHẠC DÂN GIAN MỘT SỐ DÂN TỘC VÙNG NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

Published by

Vietnamese Institute for Musicology

In Collaboration with

International Information and Networking Centre for  
Intangible Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region  
under the Auspices of UNESCO (ICHCAP)

Supported by

Cultural Heritage Administration of Korea

Design by

Design Nanum

© 2015 VIM

© 2015 ICHCAP

Vùng núi phía Bắc là nơi cư trú, sống xen kẽ của dân tộc Kinh và 28/54 dân tộc thiểu số hiện có ở Việt Nam. Đây là một vùng đất có sự đa dạng về các loại hình văn hóa dân gian nói chung và âm nhạc dân gian nói riêng. Đĩa CD Âm nhạc dân gian một số dân tộc vùng núi phía Bắc Việt Nam xin trân trọng giới thiệu một số tiết mục dân ca, dân nhạc được thu thanh vào những năm 1959 (tiết mục số 1, 2, 5, 7), năm 1964 (tiết mục số 10, 15) và năm 1970 (tiết mục số 3, 4, 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 16), do những nghệ nhân của một số dân tộc vùng núi phía Bắc như Thái, Tày,

Nùng, Cao lan, Phù lá, Hmông trình bày. Mặc dù chất lượng âm thanh thu trong giai đoạn này không được tốt nhưng chúng tôi chắc rằng đây sẽ là những tư liệu có giá trị về lịch sử và nghệ thuật để các nhà nghiên cứu, những người yêu âm nhạc dân gian có thể so sánh giữa nghệ thuật dân gian của một thời gần như “cô lập” với thế giới bên ngoài với nghệ thuật dân gian của thời đại - thời của internet bùng nổ ngày nay.

## 1. Điệu đàn vui (Độc tấu đàn dây)

Biểu diễn: Ô Lù

Dân tộc: Phù Lá

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1959

Theo số liệu thống kê năm 2009, dân tộc Phù lá có trên 1 vạn người, sống đông nhất là ở Lào Cai. Dân tộc Phù Lá sống thành bản riêng, mỗi bản thường có từ 10 đến 15 nóc nhà.

Người Phù lá sống xen kẽ trong vùng có nhiều dân tộc như Hmông, Dao, Tày. Các già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ có vai trò rất lớn trong việc điều hành các công việc ở làng bản.

Người Phù lá cho đến nay vẫn giữ nguyên được những bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc mình với những nghi lễ quan trọng trong năm như Tết Nguyên Đán, cúng thần rừng, tết tháng Bảy, tết com mới đầu tháng 10, đặt tên con, tang ma...

Về các hình thức sinh hoạt âm nhạc dân gian trong đời sống của người Phù lá cho đến nay chưa được sưu tầm nhiều.

Tiết mục “Điệu đàn vui” là tiết mục độc tấu đàn dây, mang tính vui chơi, giải trí của người Phù lá. Đây là một trong số ít các tư liệu của người Phù lá được cán bộ Viện Âm nhạc sưu tầm và thu thanh từ năm 1959.

## 2. Bài hát vui xuân

Biểu diễn: Chao Hâu Xin

Dân tộc: Phù Lá

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1959

Cùng với tiết mục “Điệu đàn vui”, “Bài hát vui xuân” cũng là một bài hát mang tính vui chơi, giải trí của người Phù Lá được

Viện Âm nhạc sưu tầm và thu thanh vào năm 1959.

## 3. Bụt lặn (Cảnh mùa xuân)

Biểu diễn: Lô Văn Héo

Dân tộc: Nùng, nhóm địa phương Nùng lòi

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Theo số liệu thống kê dân số năm 2009, người Nùng ở Việt Nam có 968.800 người, là dân tộc có dân số đứng thứ 7 tại Việt Nam, sống tập trung nhiều nhất tại tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng. Người Nùng có một kho tàng văn hóa dân gian phong phú và nhiều làn điệu dân ca đậm đà đặc trưng của dân tộc mình.

Bụt lặn là một trong những loại hình nghi lễ tín ngưỡng của người Nùng. Trong cuộc sống hàng ngày, người Nùng có quan niệm: nam giới có 30 hồn, nữ giới có 40 vía. Hồn vía hòa liền với thể xác. Mỗi khi con người gặp việc gì trắc trở thì hồn vía lia khỏi thể xác làm cho thể xác ốm yếu. Nếu hồn vía lia khỏi thể xác nhiều thì người sẽ ốm nặng hoặc không qua khỏi. Hàng năm, vào dịp đầu xuân, người Nùng thường hay tổ chức làm vía tại nhà. Làm vía phải trải qua 12 đoạn (tọ) với những lời hát mang nhiều ý nghĩa sâu sắc. Các giai điệu hát Bụt có rất nhiều cung bậc, lúc thì trầm bổng, khoan thai, lắng đọng; khi thì mạnh mẽ, náo nhiệt cùng với giọng điệu thiết tha, êm thắm của người làm Bụt tạo rung cảm lòng người vô cùng sâu sắc.

Tiết mục Bụt lặn (Cảnh mùa xuân) với những lời hát ví von vào cỏ cây, hoa lá, muông thú, vẽ nên cảnh sắc thiên nhiên vừa đậm đà, đậm thắm lại hòa hợp với tâm tư, tình cảm của con người, khơi gợi cho con người ý thức sống lương thiện, tài trí, thông minh.

## 4. Liên khúc hát Đá Hai (Hát và đệm nhị)

Biểu diễn: Lô Đình Sang (hát), Trịnh Văn Lùng (nhị)

Dân tộc: Nùng Hà Lòi

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Đá hai là loại hình nghệ thuật được diễn xướng trên sân khấu dân gian của người Nùng ở các huyện miền đông biên giới phía bắc. Vào những năm 60, 70 của thế kỷ XX kịch hát Đá hai phát triển và xuất hiện nhiều đội tuồng Đá hai của nhân dân. Kịch Đá hai được người Nùng sân khấu hóa từ hình thức múa con rối Mộc Thầu Hỷ - một hình thức nghệ thuật rất phổ biến ở các chợ phiên vùng Cao Bằng. Kịch Đá hai thường diễn xướng các tích truyện cổ như: Phạm Tải - Ngọc Hoa, Hoa Mộc Lan tòng quân, Hoa phù dung, Tống Trân - Cúc Hoa, Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài... Đá hai có nhiều làn điệu, tùy vào nội dung, chủ đề, tình tiết của nhân vật mà người hát sử dụng các điệu như Sai và páo (mang tính chất vui tươi, phấn khởi), sli páo, pin táo (mang tính chất trữ tình), cù táo (mang tính chất buồn, than khóc). Dân nhạc Da hai gồm có: nhị bỏ giọng trầm âm áp, nhị mẹ giọng thanh cao, chũm chọe, sáo trúc, trống bỏi gõ nhịp hòa tấu.

Tiết mục này là một số đoạn trích các nhân vật với nội dung dù cho tình yêu của đôi trai gái không đến được với nhau nhưng chúng ta đừng quá buồn và hãy hy vọng vào một tương lai tốt đẹp, vui vẻ.

## 5. Độc tấu Kèn

Biểu diễn: Phùng Văn Táo

Dân tộc: Hmông

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1959

Theo số liệu thống kê năm 2009, người Hmông ở Việt Nam có dân số trên 1 triệu người, là một trong những dân tộc thiểu số có dân số đông ở miền Bắc Việt Nam. Người Hmông sống tập trung nhiều nhất ở các tỉnh Hà Giang, Lào Cai. Người Hmông có đời sống dân ca và dân nhạc khá phong phú.

Kèn (hay còn gọi là Kênh) là nhạc cụ thuộc họ hơi, có 6 ống trúc rỗng ruột với độ dài ngắn khác nhau. Những ống này xuyên qua 1 bầu gỗ. Phần trên của đầu bầu gỗ thuôn nhỏ, nối với 1 ống trúc khác tạo thành ống thổi. Trên mỗi thân ống trúc nằm ngang có 1 lưỡi gà nhỏ bằng đồng nằm ở chỗ cắm qua bầu gỗ. Riêng ống ngắn nhất và ống dài nhất có 2 lưỡi gà song song phát ra đồng âm. Phía bên ngoài bầu gỗ là lỗ bấm. Muốn tạo ra âm thanh của ống nào, người ta bịt tay vào lỗ bấm của ống đó, thổi hơi vào khiến lưỡi gà rung lên phát ra âm thanh. Mỗi ống phát ra một âm thanh khác nhau tùy theo mức độ dài ngắn, to nhỏ của các ống. Kỹ thuật sử dụng kèn Hmông cơ bản là những thế bấm như vỗ, vẽ, ngắt, lấy rền, đánh chông âm, hợp âm và hòa âm...

Kèn Hmông là nhạc cụ đa thanh, có âm sắc hơi rê. Âm vực của kèn trong vòng 1 quãng tám.

Người Hmông thổi kèn trong những cuộc vui, tang ma hay lúc đi từ nhà đến chợ. Theo truyền thống, nhạc cụ này do nam giới sử dụng, thường dùng để đệm hát.

## 6. **Ứ** **ngọng** **nồn** (**Hát ru con**)

Biểu diễn: Lô Văn Héo  
Dân tộc: Nùng Hà lời  
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Hát ru **Ứ** **ngọng** **nồn** là thể loại dân ca phổ biến khắp nơi có dân tộc Tày- Nùng cư trú. Những lời ru thường tinh tế, dí dỏm hớp với tư duy trẻ thơ, vừa phản ánh khá rõ nét, cụ thể về nền văn minh lúa nước như mẹ đi làm đồng, mẹ bắt con cá.... Hầu hết các bài hát ru đều theo thể thơ 5 chữ.

## 7. **Độc** **tấu** **kèn**

Biểu diễn: Nông Văn Tâm  
Dân tộc: Cao Lan  
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1959

Theo số liệu thống kê năm 2009, người Cao Lan (tên gọi khác là Sán Chay) ở Việt Nam có dân số 169.410 người, cư trú tập trung nhiều nhất tại tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc Cao Lan có một kho tàng thơ ca, âm nhạc và múa dân gian đặc sắc như sinh ca, múa trống, múa xúc tép, múa chim gâu... Nhạc cụ của người Cao Lan khá phong phú, gồm các loại thanh la, nã bạt, trống, chuông, kèn...

Kèn là một nhạc cụ hơi, thường được người dân Cao Lan sử dụng trong các dịp lễ hội và các hình thức nghi lễ. Kèn bao gồm 4 bộ phận: thân kèn, loa kèn, cọc dăm và dăm. Thân kèn là một ống rỗng hình trụ làm bằng gỗ cứng dài chừng 30 cm, có cấu tạo thuận to dần. Trên thân ống có khoét 8 lỗ, 7 lỗ bấm phía trước, 1 lỗ phía sau ở gần cọc dăm. Loa kèn làm bằng gỗ

đeo mỏng hình chóp cụt, đầu nhỏ của loa gắn liền với phần đầu to của ống kèn. Cọc dăm được gắn ở phần đầu nhỏ của ống kèn. Dăm được làm bằng ống sậy hoặc bằng tổ sâu cắm vào cọc dăm.

Âm thanh của kèn khỏe vang, hơi chói tai ở những âm cao, hơi rê ở những âm thấp. Âm vực của kèn rộng 2 quãng 8. Kèn là một nhạc cụ do nam giới sử dụng.

Tiết mục này là liên khúc bao gồm những trích đoạn hay được thổi trong các nghi lễ như hành quân, kèn Khắp và đưa Phật.

## 8. **Mở** **cửa** **dâng** **hoa** (**Hát và đệm pí lè**)

Biểu diễn: Phan Văn Vinh (hát), Phan Văn Thạch (pí lè)  
Dân tộc: Tày  
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Theo số liệu thống kê dân số năm 2009, người Tày ở Việt Nam có dân số trên 1,6 triệu người, là dân tộc có dân số đứng thứ 2 tại Việt Nam, sống tập trung nhiều nhất tại tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng. Người Tày có một kho tàng văn hóa dân gian phong phú và nhiều làn điệu dân ca được sử dụng trong nghi lễ và trong sinh hoạt thường ngày.

Mở cửa dâng hoa là một bài hát được hát trong lễ đám cưới. Nội dung bài hát là lời dẫn dò con cháu sống tốt và mong ước một cuộc sống bình yên, hạnh phúc sẽ đến với đôi bạn trẻ sau này.

## 9. **Hò** **khuyên** (**Hát tâm tình nam nữ**)

Biểu diễn: Lương Thị Chẳng, Lương Thị Nùng  
Dân tộc:Nùng, nhóm địa phương Nùng An  
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Từ xa xưa, dân tộc Nùng đã coi dân ca là lời tâm sự, là phương tiện giao tiếp và tỏ tình với người khác giới, là sự rung động của con tim, khi hát họ biểu hiện tâm tư, tình cảm, nỗi lòng của mình với mọi người ở mọi nơi, mọi lúc.

Hò khuyên được hát theo làn điệu Hèo Phươn một trong những làn điệu dân ca tiêu biểu của người Nùng An. Đây là điệu hát giao duyên, thường được hát đối đáp giữa nam và nữ. Hèo Phươn hát theo từng cặp thơ, mỗi cặp có 2 câu, mỗi câu có 10 chữ. Khi hát thì mỗi bên nam, nữ đều có 2 người, một người hát giọng trầm, một người hát giọng thanh, hát bè hòa quyện vào nhau, dập dùi, tình tứ, đều đều cho đến hết câu mới nghỉ. Lời các bài hát cổ đều đầy các từ ngữ chan chứa, ví von, sâu lắng, trữ tình, khát khao, đầy lòng yêu thương đôi lứa...

## 10. **Tiếng** **lá** **gọi** **người** **yêu** (**Độc tấu kèn lá**)

Biểu diễn: Chi Dưa  
Dân tộc: Hmông  
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1964

Kèn lá là một nhạc cụ đơn giản nhất. Chi cần với một chiếc lá cây hái ở bên đường, người Hmông cũng có thể biến chiếc lá thành một nhạc cụ với âm thanh sáng, khỏe. Kèn lá là phương tiện để thanh niên trao đổi tâm tình.

## 11. **Hát Hà** **lều** (**Bài “Bài ca yêu nước”**)

Biểu diễn: Lý Thị Lâm, Dương Thị Phần  
Dân tộc: Nùng, nhóm địa phương Nùng Inh  
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Trong các làn điệu dân ca Tày-Nùng ở Cao Bằng thì Hà lều (còn gọi là Lượn Phú) của người Nùng Inh là một trong những làn điệu có sức cuốn hút hơn cả. Hà lều thường được cất lên trong các cuộc vui, nhưng được hát phổ biến nhất là vào dịp giêng hai-mùa của hát hội-mùa của “lồng tồng”. Hát Hà lều bao giờ cũng hát theo cặp, cặp hai nam - hai nữ hát đối đáp nhau, khi bên này vừa dứt thì bên kia đã cất ca lời đáp, ứng tác tại chỗ. Nếu cả hai ứng tác giỏi thì cuộc hát như một dòng chảy, không bao giờ ngắt quãng. Với Hà lều, khi nghe ta sẽ thấy một người “đi” giọng thấp, một người “đi” giọng cao, kiểu như người nọ lựa bước đợi người kia để vẫn hòa cùng một nhịp bước. Đây chính là một nét rất riêng so với nhiều làn điệu dân ca khác. Lời ca của Hà lều thường sử dụng thể thơ song thất, âm tiết thứ năm của câu thứ hai được gieo vần vào âm tiết cuối của câu đầu. Chính cách gieo vần đó tạo nên đặc trưng của Hà lều là hát song ca mà tạo hai bè cao thấp trong câu hát, song vẫn bảo đảm ăn nhập, hòa quyện với nhau.

## 12.

### Hát Lượn Lặn

Biểu diễn: Lý Thị Lâm, Dương Thị Phấn

Dân tộc: Nùng, nhóm địa phương Nùng Inh

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Lượn Lặn là một điệu hát tương tự như Hà lều (xin tham khảo thêm tiết mục 11). Nếu Hà lều được hát ở thể thơ song thất (7 chữ) thì Lượn Lặn được hát theo thể thơ 12 chữ. Nội dung lời ca là những lời vi von, tâm sự tình yêu lứa đôi.

## 13.

### Những bản nhạc dùng trong lễ cưới (Hòa tấu nhạc cụ)

Biểu diễn: Lô Vi Khai, Lô Vi Phan

Dân tộc: Nùng

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Hôn nhân của dân tộc Nùng không chỉ đơn thuần là việc kết duyên của đôi lứa mà có ý nghĩa lớn hơn là nghi lễ gắn kết cộng đồng, lưu giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Theo phong tục tập quán, những nghi lễ trong lễ cưới được diễn ra theo trình tự nhất định như đón chào dâu về mới; bái lạy tổ tiên; lễ nhận về mới; xin đón dâu... Trong lễ xin đón dâu ở nhà gái, những người đứng đầu đoàn nhà trai sẽ chơi nhạc hoặc hát để xin dâu và nhà gái cũng chơi nhạc hoặc hát đáp lại.

Những bản nhạc hòa tấu trong lễ cưới của người Nùng chủ yếu do nam giới trình diễn. Nhạc cụ tham gia trình diễn thường có nhị, kèn, đôi khi có thêm nã bạt.

## 14.

### Hát Phong Slur miền đông

Biểu diễn: Nông Ngọc Ninh

Dân tộc: Tày

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Phong slur (còn gọi là Phảng lải) là một thể loại dân ca phổ biến phân bố hầu khắp các tỉnh vùng Đông Bắc Việt Nam. Phong slur được hiểu theo nghĩa là một bức thư tình viết theo thể thơ thất ngôn trường thiên bằng tiếng Tày và đôi câu Hán tự, Hán Nôm có lẫn với cả Nôm Tày. Phong là phương tiện chuyển tải nội dung tình yêu đôi lứa trong cuộc hát trao duyên. Giai điệu Phong slur khi trầm khi bổng, khi vút lên ý nhị, hàm chứa đầy nỗi niềm tương tư của đôi trai gái.

## 15.

### Sang sa (Độc tấu tính tấu)

Biểu diễn: Hoàng Văn Ký

Dân tộc: Thái Trắng

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1964

Theo số liệu thống kê dân số năm 2009, người Thái ở Việt Nam có dân số khoảng 1,5 triệu người, là dân tộc có dân số đứng thứ 3 tại Việt Nam, sống tập trung nhiều nhất tại tỉnh Sơn La, Điện Biên. Người Thái có một kho tàng văn hóa dân gian phong phú như thần thoại, truyện thơ, ca dao hát Khắp, múa Xòe, múa sạp...

Tính tấu là một trong những nhạc cụ đặc trưng của người Thái. Tính tấu được dùng để đệm cho hát nghi lễ, đặc biệt trong các lễ Then của các dân tộc Thái, Tày, Nùng. Ngoài ra, tính tấu cũng còn được đệm cho hát giao duyên và múa Xòe của

dân tộc Thái.

Tính tấu là nhạc cụ thuộc họ dây, chi gảy. Đàn gồm các bộ phận: thủ đàn, cần đàn, bầu đàn, mặt đàn, ngựa đàn và dây đàn.

Cần đàn và thủ đàn được làm một một đoạn gỗ liền có tổng chiều dài chừng 80 - 90 cm. Thủ đàn có gắn 2 trục lên dây. Bầu đàn làm bằng vỏ quả bầu nậm già, tròn và dày đều. Mặt đàn làm bằng mo buong mỏng. Ngựa đàn là một mảnh tre có cắt rãnh cho dây đàn lọt xuống. Tính tấu có từ 2 – 3 dây tùy theo từng vùng và từng chức năng âm nhạc.

## 16.

### Hát Sli

### (Bài “Yêu nhau thì phải lấy nhau”)

Biểu diễn: Trần Hùng Mạnh

Dân tộc: Nùng, nhóm địa phương Nùng lòi

Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1970

Điệu Sli của người Nùng lòi dành cho thanh niên nam nữ hát giao duyên. Sli Nùng lòi là hình thức hát đối đáp một nam một nữ. Nội dung lời ca thường mượn những cảnh đẹp của thiên nhiên, những cảnh trong lao động và sinh hoạt hàng ngày để nói lên lòng yêu thương và ước vọng về một cuộc sống hạnh phúc.

## FOLK MUSIC OF ETHNIC MINORITIES IN NORTHERN MOUNTAIN REGIONS OF VIETNAM

The northern mountainous regions are the residential land of the Kinh people and twenty-eight out of fifty-four ethnic minorities in Vietnam. This land has diverse forms of folk culture in general and folk music in particular. The CD, Folk Music of Some Ethnic Minorities in the Northern Mountainous Regions of Vietnam introduces some repertoires of folk music that were recorded in 1959 (tracks 1, 2, 5, and 7), in 1964 (tracks 10 and 15) and in 1970 (tracks 3, 4, 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, and 16) and performed by folk artists from minority ethnic groups, such as Thái, Tày, Nùng, Cao lan, Phù lá, Hmông, of the northern

mountainous regions. Although the sound quality of the recordings isn't that good, the materials will be valuable to history and art researchers and those who love folk music. The recordings allow listeners to compare folk art of a time that was almost isolated with the outside world with folk art of our time—the time of Internet.

### 1. Điệu đàn vui (A happy tune) - Solo for a string instrument

Performer: Ô Lú  
Ethnic minority: Phù lá  
Time of audio-recording: 1959

According to statistics data of 2009, Phù lá ethnic minority had over ten thousand people, mostly living in Lào Cai. Phù lá ethnic minority lives in different small hamlets, each of which usually has between ten and fifteen roofs. The Phù lá lives in a region with many other ethnic minorities, such as Hmông, Dao, and Tày. The village elders or chiefs and family heads have a significant role in managing most affairs in the hamlets. The Phù Lá still preserves their traditional culture with the important annual rituals, such as the Lunar New Year (Tết Nguyên Đán), Holly Forest Worship Ceremony (Cúng thần rừng), the July Festival (Tết tháng bảy), the new rice festival at the beginning of October (tết cơm mới đầu tháng 10), Naming ceremony for baby (đặt tên con), funerals (tang ma), etc. Forms of folk music in the lives of Phù Lá people has not been much collected so far.

The musical piece “A happy tune” is a solo for a string instrument meant to entertain Phù lá people. This is one of the few Phù lá recordings. It was recorded by the Vietnamese Institute for Musicology in 1959.

### 2. Bài hát vui xuân (A happy song in spring)

Performer: Chao Hẫu Xin  
Ethnic minority: Phù lá  
Time of audio-recording: 1959

Along with the piece “Điệu đàn vui” (A happy tune) (please reference to the track 1), “Bài hát vui xuân” (A happy song in spring) also bears the fun and entertained sonority of the Phù Lá people recorded by the Vietnamese Institute for Musicology in 1959.

### 3. Bụt lặn (Expressing spring scenes)

Performer: Lô Văn Héo  
Ethnic minority: Nùng, sub-group Nùng lòi  
Time of audio-recording: 1970

According to the census data of 2009, the Nùng ethnic minority had a population of 968, 800 people and was the seventh most populous group in Vietnam, who mostly live in the provinces of Lạng Sơn and Cao Bằng. The Nùng people have a rich treasure of folk culture and folk songs imbue with their group.

Bụt (the Goddess of Mercy) is one kind of religious rituals of the Nùng people. In everyday life, the Nùng people believe that men have thirty hồn (souls) and women have forty via (vital spirits). Hồn via are associated with body. When the Nùng deal with difficulties, the soul and vital spirits escape from the body, making the body ill. If the soul and vital spirits leave the

body for a long time, the person will be severely ill or die. At the beginning of spring, the Nùng people often worship for vital spirits at home. This worship includes twelve phases with singing meaningful lyrics. The singing melodies have many pitches—low, high, deliberate, strong, enthusiastic, passionate tunes, etc.—bringing deep emotions to people’s hearts.

The song “Bụt lẩn” (Expressing spring scenes) with lyrics on plants, flowers, and animals, paints a natural scene that is fervid and harmonious with the thoughts and feelings of the people, evoking a sense of honesty, talent, and intelligence.

#### 4. The medley of Dá Hai (Singing with accompaniment)

Performers: Lò Đình Sang (singing), Trịnh Văn Lùng  
(playing nhị two-string fiddle)  
Ethnic minority: Nùng Hà loi  
Time of audio-recording: 1970

Dá hai is an art form performed on the folk stage by Nùng people in the eastern districts of the northern border. In the 1960s and 1970s, Dá hai drama had a strong development and many groups performing this kind of drama appeared. Dá hai drama had turned into a Nùng style from a form of puppetry Mọc Thủ Hý, a popular art form at village fairs in Cao Bằng Dá hai drama performs ancient stories, such as Phạm Tải - Ngọc Hoa, Hoa Mọc Lan tông quân (Hoa Mọc Lan joined the army), Hoa phủ dung, Tổng Chân - Cúc Hoa, Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài, etc. Dá hai has many tunes, depending on content, themes, and details of characters that performers use—Sai va páo (playful, excited), sli páo, pin táo (lyrical, romantic), cù táo (sad and mourning). The nhị (two-string fiddle) is always played as accompaniment in Dá hai. On a larger stage, Dá hai

drama includes the accompaniment of a small orchestra consisting of nhị bó (two-string fiddle with a bass sound), nhị mẹ (two-string fiddle with delicate sound), cymbal, bamboo flute, and small drum.

This track has excerpts of characters who, despite broken love affair, should not be too sad but hope for a better future.

#### 5. Solo of the khèn

Performer: Phùng Văn Táo  
Ethnic minority: Hmông  
Time of audio-recording: 1959

According to statistics data in 2009, the Hmông people in Vietnam had a population of over one million people, making them one of the larger ethnic minorities in northern Vietnam. The Hmông reside mostly in the provinces of Hà Giang and Lào Cai. They have diverse folk music and folksongs.

The khèn (or also known as kễnh) is an aerophonic instrument made up of six bamboo tubes of different lengths. These tubes are put through a wooden resonator. The upper part of resonator is small, connecting to another bamboo section that forms a blowing pipe. A small bronze reed is attached at the part put through the wooden resonator on each horizontal bamboo tube. The shortest and the longest bamboo tubes have two parallel reeds, producing unison sound. Pressing holes are outside the resonator. The player covers the pressing hole of the section and then blows air into it to make the reed vibrate and produce sound. Each tube creates a different sound depending on the length and size. The Hmông playing and pressing techniques include clapping, tremolo, and staccato as well as simultaneity, chord, and harmony.

Kễnh of the Hmông people is a polyphony instrument with a

bit cracked sound. The register of Kễnh is about an octave. The Hmông people blow the Kễnh during entertainment activities, at funerals, or on the way to the market. Traditionally, the instrument is only for men to accompany singing.

#### 6. Ứ noọng nòn (Lullaby)

Performer: Lò Văn Hèo  
Ethnic minority: Nùng Hà loi  
Time of audio-recording: 1970

The lullaby Ứ noọng nòn is popular kind of folk music at any place where Tây-Nùng ethnic minorities reside. The lullabies are often subtle and funny, so they are suitable for children. The songs reflect the lifestyles of living in a water rice civilization. Themes include a mother working in the fields, catching fish, etc. Most songs of Ứ noọng nòn have verses of five words.

#### 7. Solo of the kèn

Performer: Nông Văn Tám  
Ethnic minority: Cao Lan  
Time of audio-recording: 1959

According to statistics data in 2009, the Cao Lan people (known as Sán Chay) in Vietnam had a population of 169,410 people, residing mostly in Tuyên Quang province. The Cao Lan ethnic minority has a treasure of poetry, folk music, and dance such as sinh ca (unique folk singing), múa trống (drum

dancing), múa xúc tép (small shrimp catching dancing), múa chim gâu (cuckoo bird dancing), etc. The musical instruments of Cao Lan people are various, including thanh la (small knobless gong), náo bặt (small cymbals), drums, bells, and wind instruments.

Kèn is a wind instrument performed in festivals and ritual forms. Kèn consists of four parts: the body, the bell, reed stake, and the reed. The body is a cylindrical hollow tube made of hard wood about thirty centimeters in length. On the body, there are seven pressing holes on the front and one hole on back near the stake. The instrument bell is made of a frustum-shaped thin wooden piece. The smaller of the bell is attached to the big end of the tube. The stake is attached to the small end of the tube. The reed is made of a reed pipe or worm nest attached to the stake.

Its sound is strong, a little discordant at high pitches and a little cracked at the low end. The register of the instrument is two octaves. Kèn is played by men only.

This track is a medley of extractions that are often played in the rituals, such as hành quân (army operation), kèn Khấp, and đưa Phật (Buddha greeting).

#### 8. Mở cửa dâng hoa (Opening the door to offer flowers) - Singing with pí lè accompaniment

Performers: Phan Văn Vinh (singing), Phan Văn Thạch  
(playing the pí lè instrument)  
Ethnic minority: Tày  
Time of audio-recording: 1970

According to the census data in 2009, the Tày ethnic minority

in Vietnam had a population of over 1.6 million, making it the second most populous group in Vietnam, mostly residing in the provinces of Lạng Sơn and Cao Bằng. the Tày people have a rich treasure of folk culture and folk songs that are performed in rituals and daily activities.

Mở cửa dâng hoa (Opening the door to offer flowers) is a song sung during the wedding ceremonies. The song's content is to remind the couple to live well and desire a life of peace and happiness.

## 9. Hò khuyên (Singing for confidence between men and women)

Performers: Lương Thị Chàng, Lương Thị Nàng  
Ethnic minority: Nùng, sub-group Nùng An  
Time of audio-recording: 1970

Since ancient times, the Nùng ethnic minority regarded folk-songs as confidence, a means of communication and love expressions, and the vibration of the heart. In singing, they can express their thoughts and feelings at anytime and anywhere. Hò khuyên is sung to the tune of Hèo Phuron, a typical Nùng An folk song. Hèo Phuron is sung based on a pair of poems, each pair has two sentences and each sentence has ten words. When singing, each part for men or women has two people—one bass voice and one high voice. They sing in harmonious and romantic parts. Words of the ancient songs are full of overflowing, profound, lyrical, yearning, and loving words.

## 10. Solo of the kèn lá (The sound of leaves calling the lovers)

Performer: Ms. Dua  
Ethnic minority: Hmông  
Time of audio-recording: 1964

The kèn lá (leaf-horn) is the simplest musical instrument. With just a leaf at a street side, Hmông people can turn a leaf into an instrument with a clear and strong sound. The leaf-horn is a means for young people to exchange sentiments.

## 11. Hà lều (A patriotic song)

Performers: Lý Thị Lâm, Dương Thị Phần  
Ethnic minority: Nùng, sub-group Nùng Inh  
Time of audio-recording: 1970

In the folksongs of Tày-Nùng in Cao Bằng, Hà lều (also called as Lượn Phù) of the Nùng Inh people are the most attractive melodies. Hà lều is often sung during fun activities, but most commonly on the occasion of January and February—the season of festive singing—the season of *lồng tồng*. Hà lều is sung in pairs by alternating two men and two women. When one side stops, the other side responds immediately. If both sides respond well without interruption, the song will be very smooth. With Hà lều, we can hear that one sings with a low voice, and the other sings with a high voice, and one waits for the other person for a harmony. This is a unique feature in comparison with many other folk songs. The lyrics of Hà lều usually use a style of a seven-seven word meter poem; the

fifth syllable of the second sentence must rhyme with the last syllable of the first sentence. This type of rhyme finding is a typical characteristic of Hà lều.

## 12. Lượn Lặn

Performers: Lý Thị Lâm, Dương Thị Phần  
Ethnic minority: Nùng, sub-group Nùng Inh  
Time of audio-recording: 1970

Lượn lặn song is similar to Hà lều (please refer to track 11). Where Hà lều is sung with a seven-seven meter poem, Lượn lặn is sung with twelve-word poem. The lyrics are about confidence in love.

## 13. Musical pieces in the weddings (Instrumental ensemble)

Performers: Lô Vi Khai, Lô Vi Phan  
Ethnic minority: Nùng  
Time of audio-recording: 1970

Marriage to the Nùng ethnic minority is not merely that of a couple but has a greater meaning that is the ritual of community cohesion, keeping the ethnic group's cultural identity. A wedding ceremony takes place in accordance with certain traditions and customs, such as bride and groom welcoming, ancestor worshiping, groom receiving; asking for a bride welcoming, etc. In the celebration to ask for the bride, the heads of the groom's family will play music or sing to ask for the bride, and the bride's family also plays music or sings in response.

The instrumental music in Nùng weddings is mainly performed by men. Musical instruments may include the *nhị* (two-string fiddle), wind instruments, and cymbals.

## 14. Phong Slur miền đông (Phong Slur in the east)

Performer: Nông Ngọc Ninh  
Ethnic minority: Tày  
Time of audio-recording: 1970

Phong slur (known as *Phàng lòi*) is a popular folksong throughout the northeastern region of Vietnam. Phong slur is love letter written to a seven-beat meter in the Tày language with some Chinese words, Chinese-transcribed Vietnamese, and Tày-Vietnamese language. Phong slur is also a means to convey a couple's love through song exchanges. The Phong slur is melodic, expressing the great sentiments of a couple.

## 15. Sang sa (Solo of the *tính tửu lute*)

Performer: Hoàng Văn Kỳ  
Ethnic minority: Thái Trắng  
Time of audio-recording: 1964

According to the census data of 2009, the Thái ethnic minority in Vietnam had a population of about 1.5 million people, making them the third populous group in Vietnam, mostly residing in Sơn La and Điện Biên provinces. Thái people have a rich treasure of folk culture such as myths, poems, hát khắp folk-



songs, xòe dance, and bamboo pole dance.

The *tính tấu* is a typical musical instrument of Thái people.

The *tính tấu* is used to accompany the ritual singing, especially in the Then ceremony of the ethnic minorities like the Thái, Tày, and Nùng. In addition, the *tính tấu* is also used to accompany love-exchange songs and the xòe dance of Thái people.

The *tính tấu* is a plucked stringed instrument made up of a head, neck, resonator, surface, bridge, and strings. The neck and the head are made of a piece of wood with a total length of about eighty to ninety centimeters. There are two tuning pegs.

The round and thick resonator is made from the cover of an old gourd. The instrument surface is covered with bamboo. The bridge is a piece of bamboo with grooves for the strings to fall into. The *tính tấu* has between two and three strings depending on each region and on musical functions.

## 16.

### Sli Singing

#### (Getting married when falling in love)

Performer: Trần Hùng Mạnh

Ethnic minority: Nùng, sub-group Nùng lòi

Time of audio-recording: 1970

Sli tune of Nùng lòi people is the love-exchange song in which a young man and a woman alternate singing. The lyrics often borrow the beauty of nature, the sense of working and daily life to express the love and desire for a happy life.

## 베트남 북부 산악지역 일부 소수민족의 민속음악

베트남 북부 산악지역은 킨족(Kinh) 및 베트남 54개 소수 민족 가운데 28개 소수민족의 거주지다. 이 지역에는 다양한 민속 문화, 특히 다양한 민속음악이 발달했다. 베트남 북부 산악지역 몇몇 소수민족의 민속음악 CD에서는 이 가운데 일부 레퍼토리를 소개하기로 한다. 수록된 민속음악은 1959년(트랙 1, 2, 5, 7), 1964년(트랙 10, 15), 1970년(트랙 3, 4, 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 16)에 녹음된 것이다. 연행자는 타이족(Thái), 타이족(Tày), 능족(Nùng), 까오란족(Cao lan), 푸라족(Phù lá), 흐몽족(Hmông) 등 북부 산악지역에 거주하는 소수민족의 민속 예인이다. 이 시기에 이뤄진 녹음은 음질 면에서는 좋지 않지만 연구자나 민속음악을 사랑

하는 사람에게 역사 및 예술 측면에서 귀중한 자료가 될 수 있을 것으로 생각한다. 이 CD를 통해 외부 세계와 거의 단절된 시대의 민속예술과 오늘날 같은 인터넷 시대의 민속 예술을 비교해 볼 수 있을 것이다.

## 1. 디에우 단 부이 (Điệu dân vui; 행복한 선율)- 현악 독주

연행자: 오무(O Lu)  
소수민족: 푸라(Phu La)  
녹음연도: 1959년

2009년 통계에 따르면 푸라족(Phu La) 인구는 1만 명이 넘고, 대부분 라오카이(Lao Cai) 성에 거주하고 있다. 푸라족은 작은 마을을 형성해서 거주하며, 각 마을은 10~15가구로 구성돼 있다. 푸라족이 거주하는 지역에는 호몽족(Hmong), 자오족(Dao), 타이족(Tay) 등 다른 여러 소수민족이 있다. 마을의 연장자 또는 족장 및 가장은 마을 운영에 중요한 역할을 한다. 푸라족은 아직까지 전통문화를 보존하고 있으면서 음력설(땃 응우엔 단, Tết Nguyên Đán), 성 산림 수배 의식(깡 턴 릉, Cúng thần rừng), 7월 축제(땃 탕 바이, Tết tháng bảy), 10월 초 햅쌀 축제(땃 곶 묘 이 더우 탕 10, Tết cơm mới đầu tháng 10), 아기 작명 의식(닷 폰 퐁, đặt tên con), 장례식(탕 마, tang ma) 등을 지낸다. 푸라족의 생활 속에 녹아 있는 민속음악을 수집한 적은 지금까지 거의 없었다. 디에우 단 부이(Điệu dân vui)는 푸라족의 여흥을 위한 현악 독주 곡이다. 이 곡은 1959년 베트남음악학연구소가 수집하고 녹음한 푸라족 관련 회귀 기록 가운데 하나다.

## 2. 바이 핫 부이 쉐언 (Bài hát vui xuân; 봄의 행복한 노래)

연행자: 쉐오 하우쥘(Chao Hâu Xun)  
소수민족: 푸라(Phu La)  
녹음연도: 1959년

바이 핫 부이 쉐언(Bài hát vui xuân)은 디에우 단 부이(트랙 1 참고)와 함께 푸라족(Phu La)의 즐거움과 여흥을 담고 있는 것으로, 베트남음악학연구소가 1959년에 기록했다.

## 3. 붓란 (Bụt lán; 봄 정경의 표현)

연행자: 로반헤오(Lô Văn Héo)  
소수민족: 농족(Nung)  
녹음연도: 1970년

2009년 통계에 따르면 농족(Nung) 인구는 96만 8,800명으로 베트남 소수민족 가운데 7번째로 인구가 많고, 주로 랑선(Lang Son) 성과 까오방(Cao Bang) 성에 거주한다. 농족은 풍부한 민속 문화를 보유하고 있으며, 민속음악을 즐긴다. ‘붓’(Bụt; 자비의 여신)은 농족의 종교 의례 가운데 하나다. 농족은 평상시에 남성은 30개의 ‘혼’(hón; 영혼), 여성은 40개의 ‘비아’(viá; 열)를 각각 지닌다고 생각한다. ‘혼 비아’(Hón viá)는 몸과 연관돼 있다. 힘든 일을 겪을 때마다 영혼과 열이 몸에서 빠져 나오고, 이로 인해 아프게 된다. 영혼과 열이 몸을 오랫동안 떠나 있으면 병세가 심각해지고 죽을 수도 있다. 농족은 매년 봄 초입에 가정에 깃든 열을 위한 숭배 의식을 치른다. 이 숭배 의식은 12단계로 구성되며, 의미가 담긴 가사로 노래를 부른다. 노래의 곡조는 고음과 저음을 모두 포함하는데 경교하고 강하고 열정 넘치는 선율을 두루 내며, 깊은 내면의 감정을 끌어내도록 한다. 식물, 꽃, 동물 등을 주제로 봄의 정경을 표현하는 노래 ‘붓란’(Bụt lán)은 사람의 생각, 감정, 열정과 조화를 이루며 자연 풍경을 묘사하면서 순진하고 다재다능하고 숭고한 느낌을 불러일으킨다.

## 4. 자 하이(Dá Hai)의 메들리 (반주를 결집인 가창)

연행자: 로진상(Lô Đình Sang) 노래, 쩐반롱(Trình Văn Long) 니(nhi; 2현금 연주)  
소수민족: 농하로이(Nung Hả loi)  
녹음연도: 1970년

자 하이(Dá Hai)는 북부 지역의 동쪽 구역에 사는 농족(Nung)이 연행하는 무대 공연이다. 1960년대와 1970년대에 자 하이 곡은 크게 발전했고, 공연 단계도 많았다. 자 하이 곡은 까오방(Cao Bang)지역의 마을 축제에서 인기 있는 목 티후 시(Mộc Thủ Hy) 인형극 형태에서 농족의 스타일로 변형되었다. 자 하이 곡에서는 팜 타이(Phạm Tài)-응옥 호아(Ngọc Hoa), 호아 목 란 퐁(Hoa Mộc Lan rông quàn; 호아 목 란의 군 입 선), 호아 푸 중(Hoa phù dung), 퐁 쩐(Tổng Chân)-꼭 호아, 르엉 선 바(Cúc Hoa, Lương Sơn Bá)-쭉 아인 다이(Chúc Anh Đài) 등과 같은 옛날이야기를 공연한다. 선율은 내용, 주제, 등장인물 등에 따라 달라진다. 공연자는 사이 바 빠오(Sai va páo; 흥겹고 활기찬 율음), 슬리 빠오 뵘 따오(sli páo, pín táo; 서정성 짙은 낭만풍의 음), 꾸 따오(củ táo; 슬프고 애절한 음) 등의 멜로디를 연주한다. 2현금인 니(nhi)은 자 하이 공연 중에 계속 연주된다. 큰 무대에서는 지 하이 곡이 니 보(nhi bo; 2현금의 일종) 및 금관악기 협연, 니 메(nhime; 또 다른 종류의 2현금) 및 심벌즈·대나무피리·작은북 등으로 구성된 오케스트라 연주와 함께하기도 한다. 이 곡은 사랑이 이루어지지 않더라도 남자와 여자는 너무 슬퍼하지 말고 더 나은 미래를 위해 희망을 품어야 한다는 내용을 일부만 발췌해 수록했다.

## 5. 캔(khèn) 독주

연행자: 풍반파오(Phung Văn Tao)  
소수민족: 호몽(Hmong)  
녹음연도: 1959년

2009년의 통계에 따르면 베트남의 호몽족(Hmong)은 100만여 명으로, 베트남 북부 지역에서 인구가 많은 소수민족 가운데 하나다. 호몽족은 주로 하강(Hả Giang) 성과 라오카이(Lào Cai) 성에 거주하며, 다양한 민속음악과 민속노래를 보유하고 있다. 캔(khèn 또는 kénh)은 관악기에 속한다. 길이가 서로 다른 6개의 대나무 관으로 이뤄져 있다. 이들 관은 나무 울림통에 연결된다. 울림통의 윗부분은 작으며, 또 다른 대나무에 연결된다. 대나무관이 나무 울림통을 통과하는 부분에는 각각 작은 청동 리드가 부착돼 있다. 특히 가장 긴 대나무와 가장 짧은 대나무에는 리드가 평행하게 부착돼 통일된 소리를 낸다. 울림통 밖에는 누르는 구멍이 있다. 연주자는 구멍을 누르고 공기를 불어 넣으면서 리드를 떨리게 해서 소리를 낸다. 대나무 관은 길이에 크기에 따라 서로 다른 소리를 낸다. 호몽족이 캔을 연주하면서 쓰는 손가락을 누르는 기술에는 클래핑(clapping), 트레몰로, 스타카토 등과 화음 및 동시연주 등이 있다. 호몽족의 캔은 약간 깨지는 소리가 나는 다성 악기로, 음역대는 1옥타브 정도다. 호몽족은 여흥 또는 장례식장이나 집에서 시장으로 가면서 캔을 연주한다. 캔은 남자만이 노래 반주로 연주하는 것을 전통으로 한다.

## 6. 우노영 논(Ú noọng nòn; 자장가)

연행자: 로만해오(Lô Văn Hào)  
소수민족: 농하로이(Nùng Hả loi)  
녹음연도: 1970년

자장가 우노영 논(Ú noọng nòn)은 타이농족(Tây-Nùng)이 사는 곳이라면 어디서나 들을 수 있는 민속 음악이다. 이 자장가는 이들의 마음에 잘 맞도록 부드럽고 재미가 있다. 가사는 들에서 일하는 엄마, 물고기를 잡는 엄마 등 농농사 문명을 반영한다. 우노영 논 노래는 대부분 5개 단어로 된 행으로 이뤄져 있다.

## 7. 켨(kèn) 독주

연행자: 농반팜(Nông Văn Tâm)  
소수민족: 까오란(Cao Lan)  
녹음연도: 1959년

2009년의 통계에 따르면 산짜이족(Sán Chay)으로도 알려져 있는 까오란족(Cao Lan)은 16만 9,410명으로, 주로 투엔꽁(Tuyên Quang) 성에 거주한다. 까오란족은 신 까(sinh ca; 고유한 민속 노래), 무아 쯡(múa trống; 드럼 춤), 무아 쑉 뻬(múa xúc tép; 작은 새우 잡기 춤), 무아 찼 거우(múa chim gâu; 뻬꾸기 춤) 등과 같은 시와 민속음악 및 춤 등을 많이 보유하고 있다. 까오란족이 연주하는 악기는 타인 라(thanh la; 손잡이 없는 작은 징), 나오 바t(nào bar; 작은 심벌즈), 드럼, 종, 관악기 등 다양하다. 켨(kèn)은 관악기로, 축제나 의례에서 연주한다. 켨은 몸통, 종, 리드 버팀대, 리드 등 4부분으로 이루어져 있다. 몸통은 길이가 30cm 정도로 속이 빈 원통형의 딱딱한 나무로 되어 있다. 몸통에는 앞쪽

에 7개, 뒤쪽 리드 버팀대 근처에 1개 등 8개의 구멍이 있다. 종은 원뿔대 모양의 얇은 나무 조각으로 만들어져 있다. 작은 종은 튜브의 큰 쪽, 리드 버팀목은 작은 쪽에 각각 붙어 있다. 리드는 리드 파이프로 만들어지거나 리드 버팀목에 부착된 형태를 이루기도 한다.

켨은 떨리면서 강한 소리를 내며, 높은 음에서는 약간의 불협화음을 내고 낮은 음에서는 약간 깨지는 소리를 낸다. 음역대는 2 옥타브이며, 남자만 연주한다. 수록된 음악은 하인(hành quân; 군사 작전), 켨 캅(kèn kháp), 드아 팻(dua phật; 부처 환영) 등과 같은 의식에서 연주되는 멜로디를 발제한 것이다.

## 8. 머 끄어 정 호아(Mở cửa dâng hoa; 헌화를 위한 문 열기)-뻬래(pilè) 반주를 곁들인 가창

연행자: 판반빈(Phan Văn Vinh) 노래, 판반탁(Phan Văn Thach) 뻬래 연주  
소수민족: 타이(Tây)  
녹음연도: 1970년

2009년의 통계에 따르면 타이족(Tây)은 160만여 명으로 베트남에서 두 번째로 인구가 많은 소수민족이며, 주로 랑선(Lang Son) 성과 까오방(Cao Bằng) 성에 거주한다. 타이족은 의례와 일상생활에서 연행하는 민속문화 및 민속노래를 풍부하게 보유하고 있다.

머 끄어 정 호아(Mở cửa dâng hoa)는 결혼식에서 부르는 노래다. 곁혼하는 부부에게 평화롭고 행복한 인생을 기원하는 내용으로 이뤄져 있다.

## 9. 호 쿠옌(Hồ khuyển; 남녀 간 신뢰를 위한 노래)

연행자: 르엥티꽁(Luong Thi Chàng), 르엥티눔(Luong Thi Nung)  
소수민족: 농안(Nùng An)  
녹음연도: 1970년

예부터 농족(Nùng)은 민속노래를 이성에 대한 신뢰, 의사소통, 사랑 등을 표현하는 수단이자 심장의 떨림 그 자체라고 생각했다. 농족은 노래를 부르면서 언제 어디서나 스스로의 생각과 감정을 전달할 수 있다.

호 쿠옌(Hồ khuyển)은 농안족의 대표 선율 가운데 하나인 해오 프옌(Hào Phươn)의 음에 맞춰 부르는 것이다. 해오 프옌은 한 쌍의 시구에 따라 부르는데 시구 하나는 2개의 문장, 1개 문장은 10개의 단어로 각각 이뤄져 있다. 노래를 부를 때는 남자 또는 여자가 2명씩 짝을 이루며, 한쪽은 낮은 음을 내고 다른 한쪽은 높은 음을 낸다. 이들은 조화롭고 감미로운 노래를 부른다. 노랫말은 가슴 벅차고, 서정성 짙고, 열정 가득하고, 사랑스러운 내용으로 흘러넘친다.

## 10. 켨 라(kèn lá; 연인을 부르는 풀잎 소리) 독주

연행자: 주아(Dua)  
소수민족: 호몽(Hmông)  
녹음연도: 1964년

켨 라(kèn lá; 풀잎피리)는 가장 단순한 형태의 악기다. 호몽족(Hmông)은 길가에 있는 풀잎을 맑고 강한 소리를 내는 악기로 사용한다. 풀잎피리는 젊은 사람들이 감정을 교류하는 수단으로 사용된다.

## 11. 하 레우(Hả lêu; 애국 노래)

연행자: 리티람(Lý Thị Lâm), 즈엥티판(Dương Thị Phan)  
소수민족: 농안(Nùng An)  
녹음연도: 1970년

까오방(Cao Bằng) 성에 사는 타이농족(Tây-Nùng)의 민속노래에서 르엥 푸(Lưon Phú)로도 알려져 있는 농인족의 하 레우(Hả lêu)는 관심을 가장 많이 받는 멜로디 가운데 하나다. 하 레우는 종종 흥겨운 행사에서 불리며, 주로 음악 축제 계절을 뜻하는 롱통(lóng túng)인 1월과 2월 행사에서 연행된다. 하 레우는 짝을 이뤄 부르는데 각각 2명의 남자와 여자로 짝을 이뤄서 한쪽이 멈추면 다른 한쪽이 즉각 노래를 시작하는 등 번갈아 이어가면서 부른다. 양쪽이 잘 맞고 서로 방해하지 않으면 노래는 매우 부드럽게 흘러간다. 하 레우를 들으면 한 사람은 낮은 목소리, 다른 한 사람은 높은 목소리로 부르는 등 화음을 위해 상대방을 기다리고 있음을 알 수 있다. 이는 다른 민속노래와 비교했을 때 독특한 특징이다. 하 레우의 가사는 주로 7-7운율의 시로 되어 있으며, 두 번째 문장 다섯 번째 음절이 첫 번째 문장 첫 번째 음절과 운을 이룬다. 이런 운을 덕분에 하 레우는 낮은 음과 높은 음으로 구성된 이중주 노래가 한 문장에 들어감에도 상당한 조화를 이루게 되는 특징을 띠게 된다.

## 12. 르엉 란 (Lượn Lạn)

연행사: 리티람(Lý Thị Lâm), 즈영티판(Dương Thị Phan)  
소수민족: 농인(Nàng Inh)  
녹음연도: 1970년

르엉 란(Lượn Lạn) 가사는 하 레우(Hà Léu; 11번 트랙 참고)와 유사하다. 하 레우의 가사가 7-7운율의 시로 되어 있다면 르엉 란은 12운율로 되어 있다. 노랫말은 사랑에 대한 비유와 신화에 관한 내용이다.

## 13. 결혼식 음악 (기악 합주)

연행사: 로비카이(Lô Vi Khai), 로비판(Lô Vi Phan)  
소수민족: 농(Nàng)  
녹음연도: 1970년

농족(Nàng)에게 결혼은 단순히 결혼 당사자 사이의 문제가 아니라 공동체의 단결과 민족의 문화 정체성을 유지하는 의식이다. 전통과 관습에 따른 결혼식은 신랑과 신부 맞아들이기, 조상 숭배, 신랑 받아들이기, 신부 맞아들이기 요청 등 특정한 절차로 진행된다. 신부를 요청하는 절차에서 신랑 쪽 가족 어른들은 신부를 요청하는 음악을 연주하고 노래를 부르며, 신부 쪽 가족도 음악과 노래로 화답한다.

농족의 결혼식에서 연주하는 기악곡은 주로 남자가 연주한다. 연주되는 악기로는 니(nhi; 2현금), 관악기, 심벌즈 등이 있다.

## 14. 풍 슬르 미엔 동 (Phong Slư miến đông; 동쪽의 풍 슬르)

연행사: 농응옥닌(Nông Ngọc Ninh)  
소수민족: 타이(Tây)  
녹음연도: 1970년

팡 라이(Phàng lái)로 알려져 있는 풍 슬르(Phong Slư)는 베트남 동북부 대부분 지역에서 불리는 민속노래다. 풍 슬르는 일부 중국어, 중국어로 표현된 베트남어, 타이-베트남어 등과 함께 타이어(Tây)로 쓰인 7운율 연애편지로 알려져 있다. 풍 슬르는 노래를 통해서 연인들의 사랑을 전하는 수단이기도 하다. 풍 슬르의 멜로디는 듣기 좋으며, 연인의 감정을 풍부하게 표현하고 있다.

## 15. 상사(Sang sa)- 띨 띨우(Tính tẩu; 류트) 독주

연행사: 호앙반끼(Hoàng Văn Kỳ)  
소수민족: 타이쟁(Thai Tráng)  
녹음연도: 1964년

2009년의 통계에 따르면 타이족(Thai) 인구는 150만으로 베트남에서 세 번째로 인구가 많으며, 주로 선라(Son La) 성과 디엔비엔(Diện Biên) 성에 거주한다. 타이족은 신화, 시, 핫 캅(hát khắp) 민속음악, 쏘에(xòe) 춤, 대나무 막대 춤 등 민속문화를 풍부하게 보유하고 있다.

띨 띨우(Tính tẩu)는 타이족의 전통 악기 가운데 하나다. 띨 띨우는 특히 타이족을 비롯해 타이족(Tây), 농족(Nàng) 등과 같은 소수민족의 쯤(Then) 의식 같은 의례의 노래 반주를 위해 사용된다. 이와 더불어 타이족의 사랑 노래, 쏘에 춤을 위한 반주

에도 동원된다. 띨 띨우는 현악기로, 뜯는 악기에 속한다. 띨 띨우는 머리, 목, 율림통, 상판, 브리지, 줄로 이루어진다. 목과 머리는 전체 길이 80~90cm의 나무 하나로 만든다. 여기에는 조율을 위한 두 개의 짐게가 있다. 율림통은 늙은 박의 표면으로 만들며, 두껍고 두껍다. 상판은 크고 얇은 대나무로 만든다. 줄이 놓이는 브리지는 흠이 파진 대나무 조각이다. 띨 띨우의 줄은 지역과 음악 기능에 따라서 2개 또는 3개로 되어 있다.

## 16. 슬리(Sli) 노래- 사랑하면 결혼해요

연행사: 현홍만(Hiến Hùng Mạnh)  
소수민족: 농로이(Nàng Lôi)  
녹음연도: 1970년

농로이족(Nàng Lôi)의 슬리(Sli) 선율은 젊은 남자가 사랑을 나누는 노래다. 농로이족의 슬리는 남자와 여자가 돌아가면서 독주로 부르는 형태로 되어 있다. 노랫말은 종종 사랑을 표현하고 행복한 생활을 갈망하기 위해 자연의 아름다움, 일하는 동안의 넓, 일상생활 등에서 따온다. 🎧

## Contributors

Co-Production Directors / Chịu trách nhiệm xuất bản  
Nguyễn Bình Định, Kwon Huh

Editors / Biên tập  
Phạm Minh Hương, Nguyễn Thủy Tiên,  
Đặng Hoàng Loan

Introduction / Lời giới thiệu  
Nguyễn Thủy Tiên

Sound editors / Chính sửa âm thanh  
Trần Minh Đức, Trần Hải Đăng

English translation / Dịch tiếng Anh  
Hoàng Diệu Thương

Korean translation / Dịch tiếng Hàn Quốc  
Jeongeun Park

Layout / Trình bày  
Đình Khánh Linh

The Vietnamese Institute for Musicology would like to express our sincere thanks to the International Information and Networking Centre for Intangible Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region under the auspices of UNESCO (ICHCAP) for its assistance in creating this CD.

